

THÔNG BÁO

V/v dự kiến Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2016.

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ, Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ Quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Để đảm bảo sớm công khai thông tin Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản năm 2016 để mọi tổ chức, cá nhân có nhu cầu biết. Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo dự kiến Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm VLXD thông thường trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2016, cụ thể như sau:

Tổng số gồm có 39 điểm mỏ, trong đó:

- Cát, sỏi làm VLXDTT là 29 điểm mỏ (02 điểm mỏ đã được thăm dò phê duyệt trữ lượng; 27 điểm mỏ chưa thăm dò).

- Đá làm vật liệu XDTT có 08 điểm mỏ chưa thăm dò.

- Sét làm gạch ngói có 02 điểm mỏ chưa thăm dò.

(Có phụ lục danh mục các điểm mỏ dự kiến đấu giá quyền khai thác khoáng sản kèm theo).

Vậy, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo để các tổ chức, cá nhân có nhu cầu tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản biết./. *Cao*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Văn phòng UBND tỉnh - Công TTĐT (đưa tin);
- Giám đốc Sở (b/c);
- Trung tâm CNTT Sở TN&MT(đưa tin);
- Lưu: VT, KS3.



Phạm Đức Hạnh

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐÁU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NĂM 2016

Kèm theo Thông báo số 39./TB-STNMT ngày 24 tháng 03 năm 2016)



I. Cát sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường

Tên khu vực	Tọa độ		Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đưa ra đấu giá (ha)	Hiện trạng	Trữ lượng, tài nguyên dự báo đưa ra đấu giá (1000m ³)	Thời gian dự kiến đấu giá	Ghi chú
	X	Y						
1. Thành phố Kon Tum								
Địa điểm: Sông Đăk Bla, xã Ya Ly, xã Ya Chim (nay là xã Đăk Năng), xã Ngọc Bay: gồm 2 vị trí								
Vị trí 1: Đoạn qua xã Đăk Năng, xã Kroong, xã Ngọc Bay								
Điểm mỏ số 1								
1	1.588.060	544.534	195	3,0	Mỏ đã thăm dò phê duyệt trữ lượng, chưa có bến bãi tập kết, giao thông chỉ có các đường mòn nối từ đường liên thôn dẫn xuống mỏ	Cấp 122: 84,6	Tháng 4/2016	Số hiệu quy hoạch 181 Một phần diện tích theo quy hoạch đã cấp cho Công ty TNHH Nguyên Hưng với diện tích 17,5 ha
2	1.588.236	544.126						
3	1.588.172	544.098						
4	1.588.000	544.508						
Vị trí 2: Đoạn qua xã Đăk Năng, xã Ngọc Bay								
Điểm mỏ số 2								
1	1.588.723	543.803	195	4,0	Mỏ đã thăm dò phê duyệt trữ lượng, chưa có bến bãi tập kết, mỏ cách tỉnh lộ 675 khoảng hơn 500m, có đường rải nhựa rộng khoảng 5m dẫn vào tới mỏ	Cấp 122: 108,8	Tháng 4/2016	Số hiệu quy hoạch 181 Một phần diện tích theo quy hoạch đã cấp cho Công ty TNHH Nguyên Hưng với diện tích 17,5 ha
2	1.589.053	543.737						
3	1.589.200	543.678						
4	1.589.269	543.626						
5	1.589.358	543.480						
6	1.589.301	543.461						
7	1.589.239	543.574						
8	1.589.179	543.625						
9	1.589.061	543.675						
10	1.588.716	543.753						
2. Huyện Sa Thầy								
Địa điểm: Làng Le, Xã Mô Rai (theo QH là làng Le Rơ Man, xã Mô Rai)								
Điểm mỏ số 3								
1	1.588.520	502.970	36,6	1	Mỏ chưa thăm dò, chưa có khai trường khai thác, diện tích phân bổ cát sỏi khả thi cho thăm dò khai thác	50	Tháng 4/2016	Số hiệu quy hoạch 162A
2	1.588.549	503.065						
3	1.588.454	503.095						

4	1.588.424	502.999						
Địa điểm: Thôn 1, thị trấn Sa Thầy (theo QH là thôn 5, thị trấn Sa Thầy)								
Điểm mỏ số 4								
1	1.592.177	533.388	5,8	0,98	Mỏ chưa thăm dò, khu vực khảo sát trước đây đã có hoạt động khai thác, hiện vẫn còn bãi đất rộng và đường giao thông vào tới mỏ	49	Tháng 4/2016	Số hiệu quy hoạch 149
2	1.592.114	533.320						
3	1.592.057	533.323						
4	1.592.069	533.244						
5	1.592.114	533.254						
6	1.592.159	533.278						
7	1.592.205	533.361						
Địa điểm: Làng Lung, xã Ya Xiêr: gồm 2 vị trí								
Vị trí 1								
Điểm mỏ số 5								
1	1.589.712	532.206	41,6	0,96	Mỏ chưa thăm dò, khu vực khảo sát trước đây đã có hoạt động khai thác, hiện vẫn còn bãi đất rộng và đường giao thông vào tới mỏ	48	Tháng 4/2016	Số hiệu quy hoạch 155
2	1.589.669	532.259						
3	1.589.581	532.186						
4	1.589.637	532.107						
Vị trí 2								
Điểm mỏ số 6								
1	1.589.453	532.060	41,6	0,99	Mỏ chưa thăm dò, khu vực khảo sát trước đây đã có hoạt động khai thác, hiện vẫn còn bãi đất rộng và đường giao thông vào tới mỏ	49,5	Tháng 4/2016	Số hiệu quy hoạch 155
2	1.589.380	531.981						
3	1.589.443	531.913						
4	1.589.521	532.009						
3. Huyện Kon Rẫy								
Địa điểm: Sông Đăk Pơ Ne thuộc thôn 3, thị trấn Đăk Rve (theo QH là Sông Đăk Pơ Ne, thôn 7, thị trấn Đăk Rve)								
Điểm mỏ số 7								
1	1.606.061	582.098	18,2	0,96	Mỏ chưa thăm dò, chưa có hoạt động khai thác trước đây. Khoáng sản là các trầm tích của sông Đăk Pơ Ne	48	Tháng 5/2016	Số hiệu quy hoạch 133
2	1.606.059	582.137						
3	1.605.947	582.129						
4	1.605.815	582.108						
5	1.605.820	582.068						
6	1.605.941	582.089						
Địa điểm: Sông Đăk Pơ Ne thuộc thôn 4, thôn 5 xã Tân Lập (theo QH là thôn 5 xã Tân Lập)								
Điểm mỏ số 8								
1	1.602.893	579.613	30,8	0,95	Mỏ chưa thăm dò, chưa có hoạt động khai thác trước đây. Khoáng sản là các trầm tích của sông Đăk Pơ Ne	47,5	Tháng 5/2016	Số hiệu quy hoạch 135 <i>Đã đưa ra đấu</i>
2	1.602.879	579.641						
3	1.602.753	579.614						

4	1.602.604	579.637							<i>giá năm 2015 nhưng không có doanh nghiệp tham gia</i>
5	1.602.594	579.606							
6	1.602.751	579.580							
Địa điểm: Sông Đăk Pơ Ne thuộc thôn 4, thôn 5 xã Tân Lập (theo QH là thôn 5 xã Tân Lập)									
Điểm mở số 9									
1	1.602.756	577.644	12,6	0,96	Mỏ chưa thăm dò, chưa có hoạt động khai thác trước đây. Khoáng sản là các trầm tích của sông Đăk Pơ Ne	48	Tháng 5/2016		Số hiệu quy hoạch 136 <i>Đã đưa ra đấu giá năm 2015 nhưng không có doanh nghiệp tham gia</i>
2	1.602.610	577.683							
3	1.602.456	577.788							
4	1.602.439	577.763							
5	1.602.591	577.660							
6	1.602.750	577.620							
4. Huyện Ia H'Drai									
Địa điểm: Sông Sa Thầy, phía Nam Đồn biên phòng 711: gồm 2 vị trí									
Vị trí 1									
Điểm mở số 10									
1	1.564.154	494.575	15,8	0,98	Mỏ chưa thăm dò, khu vực khảo sát chưa có hoạt động khai thác trước đây, có đường giao thông vào tới mỏ	49	Tháng 5/2016		Số hiệu quy hoạch 165
2	1.564.136	494.599							
3	1.563.904	494.402							
4	1.563.924	494.374							
Vị trí 2									
Điểm mở số 11									
1	1.562.477	494.316	15,8	0,91	Mỏ chưa thăm dò, khu vực khảo sát chưa có hoạt động khai thác trước đây, có đường giao thông vào tới mỏ	45,5	Tháng 5/2016		Số hiệu quy hoạch 165
2	1.562.457	494.336							
3	1.562.227	494.143							
4	1.562.252	494.121							
Địa điểm: Thôn 9, xã Ia Tơi									
Điểm mở số 12									
1	1.556.776	512.582	73	0,98	Mỏ chưa thăm dò, khu vực khảo sát chưa có hoạt động khai thác trước đây, có đường giao thông vào tới mỏ	49	Tháng 5/2016		Số hiệu quy hoạch 168C
2	1.556.769	512.607							
3	1.556.430	512.524							
4	1.556.438	512.495							
Địa điểm: Sông Sa Thầy, cạnh đồn BP 713, xã Ia Dal									
Điểm mở số 13									
1	1.551.841	494.377	34	0,99	Mỏ chưa thăm dò, khu vực khảo sát chưa có hoạt động khai thác trước đây, có đường giao thông vào tới mỏ	49,5	Tháng 5/2016		Số hiệu quy hoạch 171
2	1.551.826	494.403							
3	1.551.539	494.246							
4	1.551.556	494.220							
5. Huyện Đăk Tô									

Địa điểm: Sông Pô Kô, thôn 4, xã Tân Cảnh (theo QH là thôn 3,4,5 xã Tân Cảnh)								
Điểm mô số 14								
1	1.621.385	528.104	49,8	0,99	Mô chưa thăm dò, khu vực khảo sát trước đây đã có khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường. Diện tích phân bổ cát sỏi khả thi cho thăm dò khai thác 0,99 ha	49,5	Tháng 5/2016	Số hiệu quy hoạch 71 Đã đưa ra đấu giá năm 2015 nhưng không có doanh nghiệp tham gia
2	1.621.386	528.011						
3	1.621.280	528.010						
4	1.621.278	528.103						
Địa điểm: Sông Đăk Pxi, Thôn 5, xã Diên Bình								
Điểm mô số 15								
1	1.616.836	542.565	9,3	0,84	Mô chưa thăm dò, khu vực khảo sát trước đây đã có khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường. Diện tích phân bổ cát sỏi khả thi cho thăm dò khai thác 0,84 ha	42	Tháng 5/2016	Số hiệu quy hoạch 75 Đã đưa ra đấu giá năm 2015 nhưng không có doanh nghiệp tham gia
2	1.616.912	542.587						
3	1.616.936	542.488						
4	1.616.861	542.460						
Địa điểm: Sông Te Pen 2, xã Đăk Trăm: gồm 2 vị trí								
Vị trí 1: Đoạn qua thôn Đăk Rô Gia, xã Đăk Trăm								
Điểm mô số 16								
1	1.632.928	537.767	28,1	0,91	Mô chưa thăm dò, khu vực khảo sát trước đây đã có khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường. Diện tích phân bổ cát sỏi khả thi cho thăm dò khai thác 0,91 ha	45,5	Tháng 5/2016	Số hiệu quy hoạch 59
2	1.632.961	537.857						
3	1.633.058	537.819						
4	1.633.032	537.746						
Vị trí 2: Đoạn qua thôn Tê Pheo, xã Đăk Trăm								
Điểm mô số 17								
1	1.633.347	538.456	28,1	0,90	Mô chưa thăm dò, khu vực khảo sát trước đây đã có khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường. Diện tích phân bổ cát sỏi khả thi cho thăm dò khai thác 0,9ha	45	Tháng 5/2016	Số hiệu quy hoạch 59
2	1.633.425	538.535						
3	1.633.474	538.490						
4	1.633.398	538.392						
5	1.633.342	538.446						
Địa điểm: Thôn Đăk Tông, xã Ngọc Tụ: gồm 2 vị trí								
Vị trí 1:								
Điểm mô số 18								
1	1.627.179	529.842	9,6	0,95	Mô chưa thăm dò, khu vực khảo sát trước đây chưa có khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường. Diện tích phân bổ cát sỏi khả thi cho thăm dò khai thác 0,95 ha	47,5	Tháng 5/2016	Số hiệu quy hoạch 65
2	1.627.202	529.852						
3	1.627.179	529.905						
4	1.627.138	529.912						
5	1.627.118	529.942						

6	1.627.047	529.992						
7	1.627.016	529.950						
8	1.627.046	529.912						
9	1.627.077	529.926						
10	1.627.167	529.835						
Vị trí 2								
Điểm mỏ số 19								
1	1.625.837	530.168	9,6	0,94	Mỏ chưa thăm dò, khu vực khảo sát trước đây chưa có khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường. Diện tích phân bố cát sỏi khả thi cho thăm dò khai thác 0,9 ha	47	Tháng 5/2016	Số hiệu quy hoạch 65
2	1.625.840	530.205						
3	1.625.929	530.123						
4	1.625.976	530.129						
5	1.626.015	530.052						
6	1.626.014	529.978						
7	1.625.979	529.994						
8	1.625.948	530.097						
9	1.625.921	530.106						
Địa điểm: Khối 1, thị trấn Đăk Tô								
Vị trí 1: Đoạn qua Khối 1, thị trấn Đăk Tô								
Điểm mỏ số 20								
1	1.621.906	535.648	10,8	0,90	Mỏ chưa thăm dò, khu vực khảo sát trước đây đã có khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường. Diện tích phân bố cát sỏi khả thi cho thăm dò khai thác 0,9ha	45	Tháng 5/2016	Số hiệu quy hoạch 70 Đã đưa ra đấu giá năm 2015 nhưng không có doanh nghiệp tham gia
2	1.621.924	535.715						
3	1.622.010	535.737						
4	1.622.026	535.741						
5	1.622.009	535.628						
6	1.621.978	535.638						
Vị trí 2: Đoạn qua Khối 3, thị trấn Đăk Tô								
Điểm mỏ số 21								
1	1.621.760	536.013	10,8	0,78	Mỏ chưa thăm dò, khu vực khảo sát trước đây đã có khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường. Diện tích phân bố cát sỏi khả thi cho thăm dò khai thác 0,78 ha	39	Tháng 5/2016	Số hiệu quy hoạch 70 Đã đưa ra đấu giá năm 2015 nhưng không có doanh nghiệp tham gia
2	1.621.888	535.998						
3	1.621.919	535.944						
4	1.621.875	535.914						
5	1.621.846	535.964						
6	1.621.768	535.961						
Địa điểm: Thôn Đăk Rao Lớn, thị trấn Đăk Tô								
Điểm mỏ số 22								
1	1.620.216	536.459	35,4	0,84	Mỏ chưa thăm dò, khu vực khảo sát trước đây	42	Tháng 5/2016	Số hiệu quy

2	1.620.217	536.405			đã có khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường. Diện tích phân bố cát sỏi khả thi cho thăm dò khai thác 0,84 ha			hoạch 72 Đã đưa ra đấu giá năm 2015 nhưng không có doanh nghiệp tham gia
3	1.620.343	536.355						
4	1.620.350	536.427						

6. Huyện Đắk Glei

Địa điểm: Thôn Đắk Gô, xã Đắk Kroong

Điểm mỏ số 23

1	1.654.783	524.361	18,4	6	Mỏ chưa thăm dò, khu vực khảo sát chưa có hoạt động khai thác trước đây, có đường giao thông vào tới mỏ	300	Tháng 6/2016	Số hiệu quy hoạch 26
2	1.654.783	524.410						
3	1.653.873	524.224						
4	1.653.895	524.165						

Địa điểm: Thôn Đắk Wát, xã Đắk Kroong

Điểm mỏ số 24

1	1.656.499	524.283	2,5	2,5	Mỏ chưa có hoạt động khai thác, bến bãi tập kết. Khoáng sản là các trầm tích thuộc sông Pô Kô với lượng cát lộ thiên tập trung chủ yếu phía bờ phải theo hướng dòng chảy.	125	Tháng 6/2016	Số hiệu quy hoạch 25
2	1.656.518	524.241						
3	1.656.961	524.152						
4	1.656.970	524.202						

7. Huyện Ngọc Hồi

Địa điểm: Sông Đắk Pô Kô, thị trấn Plei Kần (Giáp ranh huyện Đắk Tô)

Điểm mỏ số 25

1	1.625.477	523.648	53,5	1	Mỏ chưa thăm dò, có bãi khai thác cũ đã sử dụng khai thác cát trước đây. Khoáng sản là các trầm tích của sông Đắk Pô Kô	50	Tháng 6/2016	Số hiệu quy hoạch 47 Đã đưa ra đấu giá năm 2015 nhưng không có doanh nghiệp tham gia
2	1.625.477	523.693						
3	1.625.259	523.682						
4	1.625.260	523.635						

8. Huyện Tu Mơ Rông

Địa điểm: Sông Đắk Long và sông Đắk Pxi, xã Tê Xăng (theo QH là sông Đắk Long, xã Xê Tăng)

Điểm mỏ số 26

1	1.649.736	551.719	3,5	3,5	Mỏ chưa thăm dò, đã có khai trường khai thác, nay đã dừng hoạt động, hiện là đất sông suối do UBND xã quản lý và đất nông nghiệp do hộ gia đình cá nhân sử dụng. Điểm mỏ cách đường Quốc lộ 40B(tỉnh lộ 672) khoảng 100m	175	Tháng 6/2016	Số hiệu quy hoạch 87
2	1.649.729	551.758						
3	1.649.325	551.625						
4	1.649.301	551.587						
5	1.649.669	551.439						
6	1.649.705	551.448						

9. Huyện Kon Plông

Địa điểm: Thôn Đắk Chun, xã Măng Bút (Giáp ranh huyện Tu Mơ Rông)

Điểm mỏ số 27								
1	1.651.807	569.667	12,1	1	Mỏ chưa thăm dò, chưa có khai trường khai thác	50	Tháng 6/2016	Số hiệu quy hoạch 96
2	1.651.768	569.724						
3	1.650.954	570.312						
4	1.650.881	570.257						
Địa điểm: Thôn Cơ Chát 1, xã Măng Bút								
Điểm mỏ số 28								
1	1.646.799	571.912	2,7	1	Mỏ chưa thăm dò, chưa có khai trường khai thác	50	Tháng 6/2016	Số hiệu quy hoạch 98 Đã đưa ra đấu giá năm 2015 nhưng không có doanh nghiệp tham gia
2	1.646.787	571.942						
3	1.646.344	571.958						
4	1.646.361	571.918						
Địa điểm: Thôn Tu Nông 1, xã Măng Bút								
Điểm mỏ số 29								
1	1.645.023	572.801	4,3	1	Mỏ chưa thăm dò, chưa có khai trường khai thác	50	Tháng 6/2016	Số hiệu quy hoạch 99
2	1.644.997	572.846						
3	1.644.473	573.075						
4	1.644.443	573.014						

II. Đá làm vật liệu xây dựng thông thường:

Tên khu vực	Tọa độ		Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đưa ra đấu giá (ha)	Hiện trạng	Trữ lượng, tài nguyên dự báo đưa ra đấu giá (1000m ³)	Thời gian dự kiến đấu giá	Ghi chú
	X	Y						
1. Thành phố Kon Tum								
Địa điểm: Ia Mul, xã Ia Chim								
Điểm mỏ số 30								
1	1.576.112	545.994	6,5	2	Mỏ chưa thăm dò, khu mỏ có khe suối nhỏ chảy qua, tầng đá lộ ra có bề dày khoảng 3-4m	200	Tháng 4/2016	Số hiệu quy hoạch 193A
2	1.576.112	546.316						
3	1.575.912	546.316						
4	1.575.912	545.994						
2. Huyện Sa Thầy								
Địa điểm: Xã Sa Nhơn: gồm 2 vị trí								
Vị trí 1								
Điểm mỏ số 31								
1	1.604.079	536.237	10	7	Mỏ chưa thăm dò, khu vực khảo sát có đường giao thông vào tới mỏ	210	Tháng 4/2016	Số hiệu quy hoạch 143
2	1.604.357	535.959						
3	1.604.081	535.744						

4	1.603.953	536.145						
Vị trí 2								
Điểm mỏ số 32								
1	1.603.849	536.069	5,1	5,1	Mỏ chưa thăm dò, khu vực khảo sát có đường giao thông vào tới mỏ	153	Tháng 4/2016	Số hiệu quy hoạch 144
2	1.603.884	535.971						
3	1.603.915	535.713						
4	1.603.819	535.688						
5	1.603.685	535.987						
Địa điểm: Làng Le Mơ Ran, xã Mơ Ray								
Điểm mỏ số 33								
1	1.588.077	503.930	30,6	15	Mỏ chưa thăm dò, khu vực khảo sát chưa có khai trường khai thác, có đường giao thông vào tới mỏ	450	Tháng 4/2016	Số hiệu quy hoạch 160
2	1.587.966	504.219						
3	1.587.446	504.060						
4	1.587.224	503.803						
5	1.587.524	503.551						
3. Huyện Tu Mơ Rông								
Địa điểm: Làng Đăk King 1, xã Ngọc Lậy								
Điểm mỏ số 34								
1	1.654.083	554.705	15	2	Mỏ mới chưa được điều tra thăm dò, khu vực khảo sát chưa có khai trường, hiện nông dân đang canh tác, đã có đường vào khu mỏ	60	Tháng 6/2016	Số hiệu quy hoạch 84
2	1.653.833	554.801						
3	1.653.778	554.950						
4	1.654.020	555.200						
5	1.654.301	555.092						
Địa điểm: Làng Kạch Nhỏ, xã Đăk Sao								
Điểm mỏ số 35								
1	1.651.101	536.093	10	1,5	Mỏ chưa thăm dò, khu vực khảo sát chưa có khai trường, hiện là đất trồng cây hàng năm nhân dân đang canh tác, có đường đất vào điểm mỏ, điểm mỏ cách tỉnh lộ 678 khoảng 1,5km	45	Tháng 6/2016	Số hiệu quy hoạch 86
2	1.650.661	536.031						
3	1.650.545	536.211						
4	1.651.140	536.291						
Địa điểm: Làng Đăk Chum 2, xã Tu Mơ Rông								
Điểm mỏ số 36								
1	1.648.729	550.438	17,5	3	Mỏ chưa thăm dò, khu vực khảo sát chưa có khai trường hiện được người dân trồng cây hàng năm và một số diện tích đất rừng được giao cho người dân quản lý. Mỏ có đường đất đi vào từ đường Quốc lộ 40B và cách khoảng 3km.	90	Tháng 6/2016	Số hiệu quy hoạch 88
2	1.648.453	549.690						
3	1.648.263	549.727						
4	1.648.389	550.162						
5	1.648.551	550.542						
4. Huyện Ia H'Drai								

Địa điểm: Xã Ia Tôi								
Điểm mở số 37								
1	1.559.124	497.900	25	10	Mỏ chưa thăm dò, chưa có khai trường, có đường giao thông vào tới mỏ	300	Tháng 5/2016	Số hiệu quy hoạch 167
2	1.558.826	498.057						
3	1.559.101	498.761						
4	1.559.388	498.654						

III. Sét sản xuất gạch ngói:

Tên khu vực	Tọa độ		Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đưa ra đấu giá (ha)	Hiện trạng	Trữ lượng, tài nguyên dự báo đưa ra đấu giá (1000m ³)	Thời gian dự kiến đấu giá	Ghi chú
	X	Y						
Thành phố Kon Tum								
Địa điểm: Thôn Đăk Chóá, xã Vinh Quang								
Điểm mở số 38								
1	1.594.787	551.632	77,3	20	Mỏ chưa thăm dò, đất trồng và một phần trồng cây lâu năm (cao su), hiện đang được người dân khai thác sét làm gạch ngói	500	Tháng 4/2016	Số hiệu quy hoạch 174
2	1.594.486	551.748						
3	1.595.046	552.299						
4	1.595.300	552.299						
Huyện Tu Mơ Rông								
Địa điểm: Làng Ba Tu 2, xã Ngọc Yêu								
Điểm mở số 39								
1	1.647.040	563.895	25,2	3	Mỏ chưa thăm dò hiện nhân dân đang trồng cây hàng năm và một số diện tích đất giao cho dân quản lý, bảo vệ. Điểm mỏ nằm gần trục đường giao thông Ngọc Hoàng- Măng Bút thuận tiện giao thông đi lại	45	Tháng 6/2016	Số hiệu quy hoạch 90
2	1.646.926	564.049						
3	1.646.828	563.942						
4	1.646.460	563.929						
5	1.646.453	563.604						
6	1.646.612	563.457						
7	1.646.785	563.373						
8	1.646.938	563.592						
9	1.647.040	563.895						

Ghi chú:

- Tổng cộng có 39 điểm mỏ đá, cát, sét (37 điểm chưa thăm dò, 2 điểm cát đã thăm dò) trong đó: 29 điểm mỏ cát, sỏi; 08 điểm mỏ đá và 02 điểm mỏ sét làm gạch ngói để xuất đưa vào Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản năm 2016.
- Các điểm trên đều nằm trong Quyết định quy hoạch số 71/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Kon Tum, tài nguyên dự báo được xác định căn cứ theo tỷ lệ diện tích và nhân với số năm trong kỳ quy hoạch giai đoạn đến 2020 (nhân 5 năm).
- Các điểm mỏ từ số 1 đến số 25 được xác định tọa độ các điểm khép góc cụ thể theo diện tích đưa ra đấu giá nhưng vẫn đảm bảo nằm trong diện tích đã quy hoạch. Tọa độ các điểm mỏ còn lại được thể hiện trên toàn bộ diện tích quy hoạch. Diện tích đưa ra đấu giá là diện tích theo giai đoạn quy hoạch đến năm 2020. Vì vậy, sau khi trúng đấu giá đơn vị thăm dò phải khảo sát chọn diện tích cụ thể và nằm trong diện tích quy hoạch.